

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Thái Thị Hoa.

Ông Võ Quốc Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 09/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1993. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Minh P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Chị Trần Thị L và anh Phan Minh P tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 29/11/2008, nhưng đến ngày 03/8/2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Chị L

và anh P đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phan Minh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh P có 03 con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009, Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 và Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu L, cháu T đang sống với anh P, cháu T1 đang sống với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con chung tên Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020 cho đến khi thành niên chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, thống nhất giao cho anh P nuôi 02 con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 cho đến khi thành niên, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh P không có tài sản chung và nợ chung.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Minh P trình bày:*

Anh P và chị L tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 29/11/2008, nhưng đến ngày 03/8/2011 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị L anh không thống nhất ly hôn với chị L vì anh còn thương vợ, anh xin Tòa án cho anh thời gian để anh tạo điều kiện hàn gắn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009, Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 và Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu L, cháu T đang sống với anh P, cháu T1 đang sống với chị L. Anh P thống nhất giao cho chị L nuôi dưỡng Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020 cho đến khi cháu T1 thành niên, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009, Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 cho đến khi thành niên, anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/5/2021 chị Trần Thị L có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 để xem xét nguyện vọng: Cả hai cháu Phan Minh L và Phan Thị Bích T đều có nguyện vọng được sống cùng với cha là anh Phan Minh P trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

\* Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc xác định quan hệ tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L. Về hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn với anh P. Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 thành niên, do chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giao con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 cho anh Phan Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu L, cháu T thành niên, do anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên chị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/10/2020, chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Minh P có nơi cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Chị Trần Thị L và anh Phan Minh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh P chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020. Từ khi sống ly thân đến nay anh P có gặp chị L để bàn bạc hàn gắn lại tình cảm, nhưng không hàn gắn được. Chị L yêu cầu được ly hôn; anh P yêu cầu được đoàn tụ không thống nhất ly hôn.

Xét thấy, anh P cho rằng anh còn tình cảm với chị L, nên không thống nhất ly hôn, từ khi ly thân đến nay, anh P chủ động gặp chị L để hàn gắn tình cảm, nhưng không hàn gắn được, hiện nay hôn nhân của chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị L và anh P không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, anh P yêu cầu được đoàn tụ là không có căn cứ chấp nhận; chị L yêu cầu được ly hôn với anh P là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị L và anh Phan Minh P có 03 người con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009, Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 và Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020. Hiện nay cháu L, cháu T đang sống với anh P, cháu T1 đang sống với chị L.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị L được nuôi con chung tên Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020 cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị L thống nhất giao con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của các con chung Phan Minh L và Phan Thị Bích T đều có nguyện vọng sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn. Anh Phan Minh P đồng ý nuôi dưỡng cháu L và cháu T đến khi thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phan Thị Ngọc T1 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Phan Minh L và cháu Phan Thị Bích T cho anh Phan Minh P nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị L và anh Phan Minh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị L và anh Phan Minh P không có tài sản chung, chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị L và anh Phan Minh P không có nợ chung, chị L và anh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Xét thấy, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, buộc chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Phan Minh P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phan Minh P.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 26/7/2020 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Ngọc T1 thành niên. Anh Phan Minh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Thị Ngọc T1 cho anh P, không ai được cản trở.

- Giao con chung tên Phan Minh L, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Thị Bích T, sinh ngày 22/10/2010 cho anh Phan Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Minh L và Bích T thành niên. Chị Trần Thị L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Minh L và Phan Thị Bích Trâm cho chị L, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Phan Minh P không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003017 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Phan Minh P không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Minh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Chí Hướng**